

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, SÁT
HẠCH TIẾP NHẬN VÀO LÀM
CÔNG CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày tháng năm 2021

Số: /KH-HĐKTSH

KẾ HOẠCH
Về tổ chức kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm công chức

Căn cứ Quyết định số 5097/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm công chức năm 2020 (sau đây gọi tắt là Hội đồng kiểm tra, sát hạch); Hội đồng kiểm tra, sát hạch ban hành Kế hoạch kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm công chức như sau:

1. Căn cứ pháp lý

Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

2. Đối tượng kiểm tra, sát hạch

Viên chức và công chức cấp xã thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ theo đề nghị của các cơ quan, địa phương đủ điều kiện tham gia kiểm tra, sát hạch, trong đó:

- Viên chức công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập: 11;
- Công chức cấp xã: 02.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm Kế hoạch)

3. Thời gian, địa điểm

a) Thời gian: Dự kiến trong tháng 02/2021 (thời gian cụ thể thực hiện theo Thông báo của Sở Nội vụ).

b) Địa điểm: Sở Nội vụ (số 180, đường Tăng Bạt Hổ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định).

4. Nội dung, hình thức sát hạch

Nội dung, hình thức sát hạch đối với các trường hợp tiếp nhận vào làm công chức thực hiện theo quy định tại điểm c Khoản 4 Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ và Công văn số 17/UBND-NC ngày 05/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về nội dung, hình thức sát hạch tiếp nhận vào làm công chức.

5. Hội đồng kiểm tra, sát hạch

Thực hiện theo Quyết định số 5097/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm

công chức năm 2020. Trong đó, mời đại diện lãnh đạo cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến vị trí việc làm cần tuyển dụng như sau:

- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh: Tham gia sát hạch đối với các thí sinh đề nghị tiếp nhận vào làm công chức tại Văn phòng HĐND và UBND huyện Tuy Phước (01 thí sinh); Văn phòng HĐND và UBND huyện Phù Mỹ (01 thí sinh).

- Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo: Tham gia sát hạch đối với các thí sinh đề nghị tiếp nhận vào làm công chức tại Sở Giáo dục và Đào tạo (02 thí sinh); Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Quy Nhơn (02 thí sinh).

- Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Tham gia sát hạch đối với các thí sinh đề nghị tiếp nhận vào làm công chức tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (01 thí sinh); Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Tuy Phước (01 thí sinh); Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Phù Mỹ (01 thí sinh).

- Lãnh đạo Sở Tư pháp: Tham gia sát hạch đối với thí sinh đề nghị tiếp nhận vào làm công chức tại Phòng Tư pháp huyện An Lão (01 thí sinh).

- Lãnh đạo Sở Công Thương: Tham gia sát hạch đối với thí sinh đề nghị tiếp nhận vào làm công chức tại Phòng Kinh tế thành phố Quy Nhơn (01 thí sinh).

- Lãnh đạo Sở Y tế: Tham gia sát hạch đối với thí sinh đề nghị tiếp nhận vào làm công chức tại Phòng Y tế thành phố Quy Nhơn (01 thí sinh).

- Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường: Tham gia sát hạch đối với thí sinh đề nghị tiếp nhận vào làm công chức tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Thạnh (01 thí sinh).

6. Kinh phí thực hiện

a) Kinh phí tổ chức kỳ kiểm tra, sát hạch sử dụng từ nguồn thu phí dự tuyển của thí sinh theo quy định. Trường hợp kinh phí thu từ phí dự tuyển không đủ, UBND tỉnh xem xét, bổ sung kinh phí để thực hiện.

b) Mức thu phí thực hiện theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

7. Tổ chức thực hiện

a) Sở Nội vụ: Là cơ quan Thường trực của Hội đồng kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm công chức năm 2020, có trách nhiệm tham mưu, tổ chức thực hiện các nội dung, công việc sau đây:

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.
- Tổ chức thu lệ phí dự tuyển và sử dụng theo quy định.
- Trung tập công chức tham gia phục vụ công tác kiểm tra, sát hạch.
- Chuẩn bị các nội dung, tài liệu, biểu mẫu, cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính phục vụ công tác kiểm tra, sát hạch đảm bảo an toàn, tiết kiệm và hiệu quả.

- Đề xuất, mời lãnh đạo các cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan đến vị trí tuyển dụng tham gia thành viên tham gia Hội đồng kiểm tra, sát hạch theo quy định.

- Báo cáo Chủ tịch Hội đồng kiểm tra, sát hạch cho ý kiến về danh sách thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham gia kiểm tra sát hạch. Thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham gia kiểm tra, sát hạch.

b) Sở Tài chính chủ trì, thẩm định, trình UBND tỉnh bố trí kinh phí bảo đảm công tác tổ chức kiểm tra, sát hạch và hướng dẫn Sở Nội vụ sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định trên cơ sở tiết kiệm và hiệu quả.

c) Các Sở, cơ quan liên quan: Cử đại diện lãnh đạo cơ quan tham gia Hội đồng kiểm tra, sát hạch theo đề nghị của Sở Nội vụ.

Giám đốc Sở Nội vụ, các thành viên Hội đồng kiểm tra, sát hạch tuyển dụng công chức hành chính tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân liên quan phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Các thành viên Hội đồng KTSH;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các cơ quan, địa phương liên quan;
- Lưu: VT, K12, HĐKTSH.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Nguyễn Tuấn Thanh**

Phụ lục

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA SÁT HẠCH TIẾP NHẬN VÀO LÀM CÔNG CHỨC

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-HDKTSH ngày tháng năm 2021 của Hội đồng Kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm công chức năm 2020)

| TT | Họ và tên/Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ | Ngạch, bậc lương hiện hưởng | Thời điểm được tuyển dụng | Thời điểm bổ nhiệm ngạch/chức danh chuyên viên và tương đương | Quá trình công tác có đóng BHXH | Nơi đang công tác | | Tên cơ quan, đơn vị đề nghị tiếp nhận vào công chức | Vị trí việc làm sau khi được tiếp nhận vào công chức | Lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ kiểm tra, sát hạch | Ghi chú |
|-----------|---|--|---|---|---|--|---|---|--|--|---------|
| | | | | | | Chức vụ, chức danh công tác | Tên cơ quan, đơn vị hiện đang công tác | | | | |
| I | SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Lê - Sinh ngày 07/7/1984; - Trình độ chuyên môn: Đại học Giáo dục mầm non (25/4/2011); Cao đẳng sư phạm Mầm non (25/7/2006); - Tiếng Anh B; - Tin học B; - Chứng chỉ QLNN ngạch chuyên viên | Giáo viên mầm non hạng II, bậc 3/9, hệ số 3,00 kể từ ngày 01/11/2018 | - Tuyển dụng viên chức tại Quyết định số 5868/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 của UBND thành phố Quy Nhơn; - Bổ nhiệm vào ngạch và xếp lương tại Quyết định số 8126/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của UBND thành phố Quy Nhơn. | 01/09/2015 | - Từ tháng 12/2008 - 01/2011: Giáo viên Trường mẫu giáo thuộc làng trẻ em SOS Đồng Hới; - Từ tháng 02/2011 - 12/2013: Không tham gia BHXH; - Từ tháng 01/2004 - nay: Giáo viên Trường mầm non Hoa Hồng, Trường mẫu giáo Ghềnh Ráng; Trường chuyên biệt Hy vọng Quy Nhơn | Giáo viên mầm non hạng II | Trường chuyên biệt Hy vọng Quy Nhơn (đang biệt phái tại Phòng Giáo dục mầm non - Tiểu học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo) | Phòng Giáo dục mầm non thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo | Chuyên viên | Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo (giáo dục mầm non) | |
| 2 | Nguyễn Thị Mộng Vân - Sinh ngày 13/6/1979 - Trình độ chuyên môn: Đại học tiếng Anh (12/7/2001); - Tin học B; - Chứng chỉ QLNN ngạch chuyên viên | Giáo viên THPT hạng III, bậc 6/9, hệ số 3,99 kể từ ngày 01/01/2018 | - Tuyển dụng vào viên chức tại Quyết định số 39/QĐ-TCCQ ngày 30/8/2002 của Ban Tổ chức chính quyền tỉnh; - Bổ nhiệm vào ngạch kể từ ngày 01/01/2003 tại Quyết định số 1310/QĐ-TCCB ngày 05/4/2003 của Sở Giáo dục và Đào tạo | 01/01/2003 | - Từ tháng 01/2002 - 08/2007: Giáo viên Trường THPT Nguyễn Diêu; - Từ tháng 9/2007 - nay: Giáo viên Trường THPT số 1 Tuy Phước | Giáo viên | Trường THPT số 1 Tuy Phước (hiện đang biệt phái tại Phòng Giáo dục trung học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo) | Phòng Giáo dục trung học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo | Chuyên viên | Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo (giáo dục trung học phổ thông) | |
| II | SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN | | | | | | | | | | |
| 3 | Lê Quang Tình - Sinh ngày 28/10/1980; - Trình độ chuyên môn: Đại học Nông học ngành Lâm vườn - Sinh vật cảnh (25/9/2004); thạc sĩ Khoa học cây trồng (27/12/2012). - Tiếng Anh B1 ĐH Nông lâm TP.HCM cấp tháng 7/2011); - Tin học KTV văn phòng. - Chứng chỉ QLNN ngạch chuyên viên. | Kỹ sư (13.095), bậc 5/9, hệ số 3,66 kể từ ngày 01/12/2017. | Trúng tuyển viên chức tại Công văn số 1972/SNV-TCHC ngày 26/9/2006; - Bổ nhiệm vào ngạch, xếp lương tại Quyết định số 2864/QĐ-SNNPTNT-TCHC ngày 06/12/2007. | 01/12/2007 | - Tháng 12/2004 - nay: Công tác tại Trung tâm Khuyến nông | Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Khuyến nông | Trung tâm Khuyến nông | Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Chuyên viên | Quản lý nhà nước về nông nghiệp | |

| TT | Họ và tên/Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ | Ngạch, bậc lương hiện hưởng | Thời điểm được tuyển dụng | Thời điểm bổ nhiệm ngạch/chức danh chuyên viên và tương đương | Quá trình công tác có đóng BHXH | Nơi đang công tác | | Tên cơ quan, đơn vị đề nghị tiếp nhận vào công chức | Vị trí việc làm sau khi được tiếp nhận vào công chức | Lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ kiểm tra, sát hạch | Ghi chú |
|------------|--|---|--|---|---|--|--|---|--|--|---------|
| | | | | | | Chức vụ, chức danh công tác | Tên cơ quan, đơn vị hiện đang công tác | | | | |
| III | UBND THÀNH PHỐ QUY NHƠN | | | | | | | | | | |
| 4 | Lê Thị Thúy Nga; - Sinh ngày: 25/4/1984; - Trình độ chuyên môn: Đại học Công nghệ thực phẩm (23/6/2009): Chuyên khoa cấp 1 An toàn thực phẩm (06/02/2020). - Tiếng Anh B; - Tin học B. - QLNN ngạch chuyên viên. | Kỹ sư hạng III (V.05.02.07), bậc 4/9, hệ số 3.33 kể từ ngày 01/10/2020. | Trúng tuyển viên chức ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2009 (tại Thông báo số 460/TB-HĐXT ngày 04/01/2010. | | - Từ tháng 02/2010 - 05/2012: Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước; - Từ tháng 6/2012 - 9/2019: Trung tâm Y tế Hoài Nhơn; - Tháng 10/2019: Không tham gia BHXH; - Từ tháng 11/2019 - nay: Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn. | Kỹ sư | Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn | Phòng Y tế thành phố Quy Nhơn | Chuyên viên | Quản lý nhà nước về y tế | |
| 5 | Phan Lý Khoa - Sinh ngày 11/11/1981; - Đại học Quản trị kinh doanh (08/9/2006); Đại học Tin học (22/02/2010); - Tiếng Anh B; - Xác nhận của Trường Chính trị đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng QLNN ngạch chuyên viên năm 2016. | Giáo viên THCS chính (15a.201), bậc 5/9, hệ số 3,66 kể từ ngày 01/5/2019 | - Trúng tuyển viên chức tại Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 16/10/2006 của UBND tỉnh - Bổ nhiệm vào ngạch viên chức kể từ ngày 01/11/2007 tại Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 31/01/2008 của UBND thành phố Quy Nhơn. | 01/11/2007 | - Từ tháng 11/2006 - 6/2016: Giáo viên Trường THCS Nhơn Phú; - Từ tháng 7/2016 - nay: Biệt phái, điều động công tác tại Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Quy Nhơn. | Chuyên viên bộ phận giáo dục phổ thông | Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố | Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố | Chuyên viên | Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo (giáo dục phổ thông cơ sở) | |
| 6 | Trần Ngọc Duy - Sinh ngày 09/09/1982; - Đại học sư phạm Vật lý (21/4/2008); Cao đẳng Lý -KTCN (20/11/2003). - Tiếng Anh C; - Tin học Văn phòng; KTV - Chứng chỉ QLNN ngạch chuyên viên. | Giáo viên THCS chính (15a.201), bậc 6/9, hệ số 3,99 kể từ ngày 01/10/2019 | - Tuyển dụng vào viên chức ngày 15/9/2003 tại Quyết định số 113/QĐ-SNV ngày 09/6/2004 của Sở Nội vụ; - Bổ nhiệm vào ngạch ngày 22/9/2004 tại Quyết định số 4264/QĐ-UBND ngày 20/12/2005 của UBND thành phố Quy Nhơn | 22/09/2004 | - Từ tháng 10/2003 - 6/2006: Giáo viên Trường THCS Bùi Thị Xuân; - Từ tháng 7/2006 - nay: Biệt phái, điều động công tác tại Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố | Chuyên viên bộ phận tổ chức cán bộ | Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố | Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố | Chuyên viên | Quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy, biên chế, công chức, viên chức | |

| TT | Họ và tên/Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ | Ngạch, bậc lương hiện hưởng | Thời điểm được tuyển dụng | Thời điểm bổ nhiệm ngạch/chức danh chuyên viên và tương đương | Quá trình công tác có đóng BHXH | Nơi đang công tác | | Tên cơ quan, đơn vị đề nghị tiếp nhận vào công chức | Vị trí việc làm sau khi được tiếp nhận vào công chức | Lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ kiểm tra, sát hạch | Ghi chú |
|-----------|---|---|---|---|--|-----------------------------|---|---|--|--|---------|
| | | | | | | Chức vụ, chức danh công tác | Tên cơ quan, đơn vị hiện đang công tác | | | | |
| 7 | Phạm Thị Luyến - Sinh ngày 01/12/1984 - Trình độ chuyên môn: Đại học ngành Quản trị Khách sạn và Du lịch (20/7/2006); - Tiếng Anh C; - Tin học B; - QLNN ngạch chuyên viên | Chuyên viên (01.003), bậc 4/9, hệ số 3,33 kể từ ngày 01/02/2018 | - Tuyển dụng viên chức tại Thông báo số 569/TB-UBND ngày 10/9/2015 của UBND thành phố Quy Nhơn; - Bổ nhiệm và xếp lương ngạch Chuyên viên kể từ ngày 01/10/2015 (tại Quyết định số 6994/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND thành phố Quy Nhơn) | 01/10/2015 | - Từ tháng 02/2008 - 9/2015: Nhân viên hợp đồng tại Phòng Kinh tế thành phố Quy Nhơn; - Từ tháng 10/2015 - nay: Chuyên viên tại Ban Quản lý cụm công nghiệp thuộc Phòng Kinh tế thành phố Quy Nhơn. | Chuyên viên | Ban Quản lý cụm công nghiệp thuộc Phòng Kinh tế thành phố Quy Nhơn. | Phòng Kinh tế thành phố Quy Nhơn | Chuyên viên | Quản lý nhà nước về công nghiệp, thương mại, dịch vụ | |
| IV | UBND HUYỆN TUY PHƯỚC | | | | | | | | | | |
| 8 | Nguyễn Trần Thị Nhã Khanh - Sinh ngày 31/7/1981. - Giới tính: Nữ. - Đại học Kế toán (09/9/2009). - Tiếng Anh B, Tin học B. - QLNN ngạch chuyên viên. | Chuyên viên (01.003), bậc 5/9, hệ số 3,66 kể từ ngày 01/10/2019 | Tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch kể từ ngày 01/01/2012 tại Quyết định số 245/QĐ-CTUBND ngày 21/02/2012 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước | 01/01/2012 | - Từ tháng 01/2005 - 04/2007: Nhân viên tại BQL Khu sinh thái Côn chim - Đầm Thị Nại; - Từ tháng 05/2007 - nay: Làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND&UBND huyện Tuy Phước | Chuyên viên | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND huyện Tuy Phước | Văn phòng HĐND và UBND huyện Tuy Phước | Chuyên viên | Tham mưu tổng hợp cho HĐND và UBND | |
| 9 | Huỳnh Trọng Thu. - Sinh ngày 30/11/1978. - Giới tính: Nam. - Đại học Nuôi trồng thủy sản (06/01/2004). - Tiếng Anh B, Tin học A. - Đang học QLNN ngạch chuyên viên. | Chuyên viên (01.003), bậc 5/9, hệ số 3,66 kể từ ngày 01/8/2018 | Tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch kể từ ngày 01/10/2006 tại Quyết định số 97/QĐ-CTUBND ngày 05/02/2007 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước | 01/10/2006 | - Từ tháng 8/2005 - 12/2018: Nhân viên Trạm Thú y Tuy Phước thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y; - Từ tháng 01/2019 - nay: Nhân viên Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Tuy Phước | Chuyên viên | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Tuy Phước | Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Tuy Phước | Chuyên viên | Quản lý nhà nước về nông nghiệp, ngư nghiệp | |
| V | UBND HUYỆN PHÙ MỸ | | | | | | | | | | |
| 10 | Lê Việt Thành. - Sinh ngày 04/11/1989. - Giới tính: Nam. - Đại học Tài chính - Ngân hàng (11/3/2013). - Tiếng Anh B, Tin học B. - QLNN ngạch chuyên viên. | Chuyên viên (01.003), bậc 3/9, hệ số 3,00 kể từ ngày 01/5/2020 | - Trúng tuyển viên chức tại Thông báo số 101/TB-NV ngày 24/4/2015; - Bổ nhiệm ngạch, xếp lương kể từ ngày 11/5/2015 tại Quyết định số 2492/QĐ-UBND ngày 19/5/2015 của Chủ tịch UBND huyện Phù Mỹ. | 11/05/2015 | - Từ tháng 05/2013 - nay: Làm việc tại Văn phòng HĐND và UBND huyện Phù Mỹ | Chuyên viên | Văn phòng HĐND và UBND huyện Phù Mỹ | Văn phòng HĐND và UBND huyện Phù Mỹ | Chuyên viên | Tham mưu tổng hợp cho HĐND và UBND | |

| TT | Họ và tên/Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ | Ngạch, bậc lương hiện hưởng | Thời điểm được tuyển dụng | Thời điểm bổ nhiệm ngạch/chức danh chuyên viên và tương đương | Quá trình công tác có đóng BHXH | Nơi đang công tác | | Tên cơ quan, đơn vị đề nghị tiếp nhận vào công chức | Vị trí việc làm sau khi được tiếp nhận vào công chức | Lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ kiểm tra, sát hạch | Ghi chú |
|------------|---|--|--|---|---|--|--|---|--|---|---------|
| | | | | | | Chức vụ, chức danh công tác | Tên cơ quan, đơn vị hiện đang công tác | | | | |
| 11 | Nguyễn Thế Khải. - Sinh ngày 20/9/1990. - Đại học Kinh tế nông nghiệp (20/02/2013). - Tiếng Anh B, Tin học B. - QLNN ngạch chuyên viên. | Chuyên viên (01.003), bậc 3/9, hệ số 3,00 kể từ ngày 01/5/2020 | - Trúng tuyển viên chức tại Thông báo số 102/TB-NV ngày 24/4/2015; - Bổ nhiệm ngạch, xếp lương kể từ ngày 11/5/2015 tại Quyết định số 2491/QĐ-UBND ngày 19/5/2015 của Chủ tịch UBND huyện Phù Mỹ. | 11/05/2015 | - Từ tháng 5/2013 - đến nay: Theo dõi Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thuộc Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Phù Mỹ. | Chuyên viên | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Phù Mỹ | Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Phù Mỹ. | Chuyên viên | Quản lý nhà nước về nông nghiệp, phát triển nông thôn | |
| VI | UBND HUYỆN AN LÃO | | | | | | | | | | |
| 12 | Phạm Minh Nhân. - Sinh ngày 18/5/1984. - Giới tính: Nam. - Đại học Luật (03/8/2012). - Tiếng Anh B, tiếng H're, Tin học Văn phòng. - QLNN ngạch chuyên viên. | Hiện hưởng lương bậc 3/9, hệ số 3,00 kể từ ngày 01/8/2019 | Tuyển dụng vào chức danh công chức Tư pháp - Hộ tịch xã An Toàn kể từ ngày 01/12/2015 (tại Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 05/11/2015 của UBND huyện An Lão) | 01/12/2015 | - Từ tháng 7/2006 - 12/2011: Nhân viên Công ty TNHH Tổng hợp An Lão; - 01/2012 - 11/2015: Nhân viên hợp đồng tại Phòng Tư pháp huyện An Lão; - 12/2015 - Nay: Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã An Toàn, huyện An Lão. | Công chức Tư pháp - Hộ tịch | UBND xã An Toàn | Phòng Tư pháp huyện An Lão | Chuyên viên | Quản lý nhà nước về công tác tư pháp | |
| VII | UBND HUYỆN VĨNH THẠNH | | | | | | | | | | |
| 13 | Nguyễn Ngọc Tuấn - Sinh ngày 12/02/1981; - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư quản lý đất đai (12/01/2005); - Chứng chỉ Tiếng Anh B, tiếng dân tộc thiểu số Bana Kriem; - Tin học trình độ cơ bản; - Chứng chỉ QLNN ngạch chuyên viên. | Chuyên viên, bậc 5/9, hệ số 3,66 kể từ ngày 01/7/2018 | - Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 10/01/2006 của UBND huyện Vĩnh Thạnh phê duyệt danh sách cán bộ, công chức xã Vĩnh Thuận; | 01/06/2007 | - Từ tháng 01/2006 - 7/2010: Làm tại bộ phận Văn phòng thống kê xã Vĩnh Thuận; - Từ tháng 8/2010 - nay: Làm tại bộ phận Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và môi trường | Công chức địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường | UBND xã Vĩnh Thuận | Phòng Tài nguyên và Môi trường | Chuyên viên | Quản lý nhà nước về đất đai | |

Tổng số 13 thí sinh